

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 39

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	
Ông Phạm Viêt Muôn	Thành viên	
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	
Ông Manabu Ueda	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Miyabe Toshiaki	Thành viên	Từ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Viêt Muôn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2020
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2020
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trà My.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61063721/22007033

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3342-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.247.582.037.455	1.628.824.265.526
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.110.055.445.013	992.635.832.802
111	1. Tiền		146.122.856.799	238.278.134.802
112	2. Các khoản tương đương tiền		963.932.588.214	754.357.698.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		150.795.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	150.795.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		984.428.823.644	631.533.198.790
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	23.547.445.824	24.311.743.892
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	767.879.419	1.584.504.568
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	921.194.718.000	573.840.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	62.466.226.225	56.108.694.222
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(23.547.445.824)	(24.311.743.892)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.302.768.798	4.655.233.934
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		542.695.307	560.824.792
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		293.633.992	293.633.992
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	1.466.439.499	3.800.775.150
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.748.401.763.380	3.241.068.999.597
210	I. Phải thu dài hạn		89.200.000	89.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	89.200.000	89.200.000
220	II. Tài sản cố định		12.945.783.138	14.381.044.084
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	12.945.783.138	14.381.044.084
222	Nguyên giá		26.359.896.097	26.218.506.597
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.414.112.959)	(11.837.462.513)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	2.734.164.200.072	3.218.279.607.741
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.734.164.200.072	2.734.164.200.072
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	484.115.407.669
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.202.580.170	8.319.147.772
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.202.580.170	538.289.619
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	-	7.780.858.153
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.995.983.800.835	4.869.893.265.123

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.964.818.059.783	1.780.839.359.505
310	I. Nợ ngắn hạn		847.816.959.151	669.535.912.053
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	886.887.290	827.651.932
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	342.554.500	272.696.184
314	4. Phải trả người lao động		8.163.687	12.263.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	25.284.547.556	25.436.497.576
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.158.230.138	3.741.910.138
320	7. Vay ngắn hạn	17	810.000.000.000	630.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.928.267.081	9.036.583.637
330	II. Nợ dài hạn	17	1.117.001.100.632	1.111.303.447.452
338	1. Vay dài hạn		1.117.001.100.632	1.111.303.447.452
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.031.165.741.052	3.089.053.905.618
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	3.031.165.741.052	3.089.053.905.618
411	1. Vốn cổ phần		2.163.585.800.000	1.731.011.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.163.585.800.000	1.731.011.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		904.770.143.351	1.337.369.533.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(167.828.836.328)	(690.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		119.124.835.761	9.849.163.999
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.611.547.012	5.096.824.240
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		111.513.288.749	4.752.339.759
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.995.983.800.835	4.869.893.265.123

Trần Thị Trang
Người lập biểu

Nguyễn Anh Tuấn
Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	19	309.493.325.882	160.258.923.915
22	2. Chi phí tài chính	20	(152.057.257.002)	(118.146.325.086)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(151.094.526.849)	(117.981.757.915)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21, 22	(35.810.403.207)	(40.979.719.434)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		121.625.665.673	1.132.879.395
31	5. Thu nhập khác		2.818.900	345.454.545
32	6. Chi phí khác		(2.020)	-
40	7. Lợi nhuận khác		2.816.880	345.454.545
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		121.628.482.553	1.478.333.940
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(2.334.335.651)	-
52	10. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	(7.780.858.153)	3.274.005.819
60	11. Lợi nhuận sau thuế TNDN		111.513.288.749	4.752.339.759



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn
Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		121.628.482.553	1.478.333.940
	Lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	11	1.576.650.446	1.436.849.007
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(764.298.068)	9.114.673.978
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(309.493.325.882)	(160.604.378.460)
06	Chi phí lãi vay	20	151.094.526.849	117.981.757.915
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(35.957.964.102)	(30.592.763.620)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.562.444.557	(1.572.807.004)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.319.773.333)	(5.492.852.566)
12	Tăng chi phí trả trước		(15.401.161.066)	(15.200.395.191)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(150.795.000.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(130.957.736.682)	(97.036.109.588)
15	Thuế TNDN đã nộp		-	(6.178.143.023)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.345.933.543)	(3.693.393.902)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(335.215.124.169)	(159.766.464.894)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(141.389.500)	(1.970.040.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	345.454.545
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(510.354.718.000)	(641.840.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		163.000.000.000	422.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(107.787.218.390)	(627.631.162.491)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		738.764.736.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		156.292.162.598	114.904.818.206
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		439.773.572.708	(734.190.929.740)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	30.000.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(167.138.836.328)	(690.000.000)
32.1	Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ		-	1.020.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		3.120.000.000.000	1.885.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.940.000.000.000)	(1.255.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.861.163.672	660.330.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		117.419.612.211	(233.627.394.634)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		992.635.832.802	1.226.263.227.436
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.110.055.445.013	992.635.832.802



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 16 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 18).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 12.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 năm

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc của Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	113.368.000	73.241.000
Tiền gửi ngân hàng	146.009.488.799	238.204.893.802
Các khoản tương đương tiền (*)	963.932.588.214	754.357.698.000
TỔNG CỘNG	<u>1.110.055.445.013</u>	<u>992.635.832.802</u>

(*) Thể hiện giá trị của các chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam hưởng lãi suất áp dụng. Công ty đã thế chấp các chứng chỉ tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 17.1*).

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào trái phiếu						
Trái phiếu 1 (*)	150.795.000.000	150.795.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>150.795.000.000</u>	<u>150.795.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Trái phiếu niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội có kỳ hạn gốc bảy (7) năm, với số lượng là 1.500 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu và hưởng lãi suất áp dụng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	23.547.445.824	24.311.743.892
TỔNG CỘNG	<u>23.547.445.824</u>	<u>24.311.743.892</u>
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(23.547.445.824)	(24.311.743.892)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	24.311.743.892	15.197.069.914
Dự phòng trích lập trong năm	-	9.114.673.978
Hoàn nhập dự phòng	<u>(764.298.068)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>23.547.445.824</u>	<u>24.311.743.892</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho các bên khác	767.879.419	1.235.254.568
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	-	349.250.000
TỔNG CỘNG	<u>767.879.419</u>	<u>1.584.504.568</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	817.840.000.000	573.840.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác (*)	<u>103.354.718.000</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>921.194.718.000</u>	<u>573.840.000.000</u>

(*) Chi tiết các khoản cho các bên khác vay tín chấp như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
			<i>Lãi suất %/năm</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Feta	51.677.359.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2021	5,5
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	51.677.359.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2021	5,5
TỔNG CỘNG	<u>103.354.718.000</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
		<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Lãi dự thu từ cho vay	58.852.094.701	26.935.263.013
Lãi dự thu từ tiền gửi	2.689.041.891	1.931.725.236
Cổ tức	-	26.335.095.000
Ký quỹ	590.504.666	846.884.326
Tạm ứng nhân viên	334.584.967	59.726.647
	<u>62.466.226.225</u>	<u>56.108.694.222</u>
Dài hạn		
Ký quỹ	89.200.000	89.200.000
	<u>62.555.426.225</u>	<u>56.197.894.222</u>
TỔNG CỘNG		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 24)</i>	<i>59.075.671.313</i>	<i>53.411.420.235</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>3.479.754.912</i>	<i>2.786.473.987</i>



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	13.778.633.885	11.514.060.062	839.412.650	86.400.000	26.218.506.597
Mua mới	-	-	35.399.000	105.990.500	141.389.500
Số cuối năm	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	4.511.889.599	644.151.180	408.582.150	-	5.564.622.929
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(8.438.928.382)	(2.891.418.001)	(507.116.130)	-	(11.837.462.513)
Khấu hao trong năm	(380.873.862)	(1.079.494.364)	(83.103.648)	(33.178.572)	(1.576.650.446)
Số cuối năm	(8.819.802.244)	(3.970.912.365)	(590.219.778)	(33.178.572)	(13.414.112.959)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	5.339.705.503	8.622.642.061	332.296.520	86.400.000	14.381.044.084
Số cuối năm	4.958.831.641	7.543.147.697	284.591.872	159.211.928	12.945.783.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	2.734.164.200.072	2.734.164.200.072
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	-	484.115.407.669
TỔNG CỘNG	<u>2.734.164.200.072</u>	<u>3.218.279.607.741</u>

12.1 Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
	<i>VND</i>	<i>%</i>	<i>VND</i>	<i>%</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (i)	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000	99,99
Công ty Cổ phần PAN Farm (ii)	999.900.000.000	81,91	999.900.000.000	81,91
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (iii)	474.184.200.072	35,80	474.184.200.072	35,80
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN (iv)	199.980.000.000	99,99	199.980.000.000	99,99
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans (v)	60.200.000.000	79,59	60.200.000.000	79,59
TỔNG CỘNG	<u>2.734.164.200.072</u>		<u>2.734.164.200.072</u>	

(i) Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam.

(ii) Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0107519768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

(iii) Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5903000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 12 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta là một công ty con với tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 35,80% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp là 28,65% thông qua hai công ty thành viên trong Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (iv) Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần ("GCNĐKDN") số 1101912597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 3 năm 2019. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1/1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam.
- (v) Công ty Cổ phần Cà phê Golden là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam GCNĐKDN số 0314681060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 10 năm 2017. Công ty có trụ sở chính tại số 497/23, Đường Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam ("VFG") (*)	-	-	484.115.407.669	41,88

(*) Vào ngày 22 tháng 12 năm 2020, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 15.390.932 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam cho công ty con là Công ty Cổ phần PAN Farm, với giá chuyển nhượng là 48.000 VND/cổ phiếu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu số 01/2020/HĐCNCP ngày 17 tháng 12 năm 2020. Việc nhượng bán đã hoàn thành theo thông báo số 089.20/PAN-CV ngày 23 tháng 12 năm 2020 (Thuyết minh số 24).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên khác	620.171.190	812.037.432
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	266.716.100	15.614.500
TỔNG CỘNG	886.887.290	827.651.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số đã tăng trong năm</i>	<i>Số đã giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.771.655.575)	4.740.823.099	(2.406.487.448)	(1.437.319.924)
Thuế thu nhập cá nhân	272.696.184	2.114.135.838	(2.044.277.522)	342.554.500
Khác	(29.119.575)	1.000.000	(1.000.000)	(29.119.575)
TỔNG CỘNG	<u>(3.528.078.966)</u>	<u>6.855.958.937</u>	<u>(4.451.764.970)</u>	<u>(1.123.884.999)</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải nộp</i>	272.696.184			342.554.500
<i>Trả trước</i>	(3.800.775.150)			(1.466.439.499)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi trái phiếu	23.682.630.138	23.682.630.138
Lãi vay	233.013.699	548.876.712
Phí kiểm toán	132.000.000	143.000.000
Khác	1.236.903.719	1.061.990.726
TỔNG CỘNG	<u>25.284.547.556</u>	<u>25.436.497.576</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.076
Khác	4.065.450.062	3.649.130.062
TỔNG CỘNG	<u>4.158.230.138</u>	<u>3.741.910.138</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND Số cuối năm
Ngắn hạn	630.000.000.000	3.120.000.000.000	(2.940.000.000.000)	810.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	630.000.000.000	3.120.000.000.000	(2.940.000.000.000)	810.000.000.000
Dài hạn	1.111.303.447.452	(14.755.000.000)	20.452.653.180	1.117.001.100.632
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.2)	1.135.000.000.000	-	-	1.135.000.000.000
Chi phí phát hành (Thuyết minh số 17.2)	(23.696.552.548)	(14.755.000.000)	20.452.653.180	(17.998.899.368)
TỔNG CỘNG	1.741.303.447.452	3.105.245.000.000	(2.919.547.346.820)	1.927.001.100.632

17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay này để đầu tư trái phiếu chính phủ, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá tại các tổ chức tín dụng (ngoại trừ cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp). Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	810.000.000.000	Ngày 10 tháng 3 năm 2021	3,5	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Thuyết minh số 5)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu theo quy định với số lượng phát hành là 1.135 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,8%/năm, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 9 năm 2023. Đại lý phát hành và bảo lãnh là Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), là một quỹ tin thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

	Số cuối năm			Hình thức đảm bảo
	Giá trị	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	
	VND			
Trái chủ				
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	845.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	170.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam	75.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	45.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
TỔNG CỘNG	1.135.000.000.000			
Chi phí phát hành	(17.998.899.368)			
Giá trị thuần	1.117.001.100.632			

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước						
Số đầu năm	1.361.016.300.000	1.677.421.643.351	(1.020.000.000)	11.513.798.268	8.332.594.870	3.057.264.336.489
Tăng vốn trong năm	369.995.110.000	(339.995.110.000)	-	-	-	30.000.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	1.020.000.000	-	-	1.020.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(690.000.000)	-	-	(690.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.752.339.759	4.752.339.759
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.235.770.630)	(1.235.770.630)
Khác	-	(57.000.000)	-	-	-	(57.000.000)
Số cuối năm	1.731.011.410.000	1.337.369.533.351	(690.000.000)	11.513.798.268	9.849.163.999	3.089.053.905.618
Năm nay						
Số đầu năm	1.731.011.410.000	1.337.369.533.351	(690.000.000)	11.513.798.268	9.849.163.999	3.089.053.905.618
Tăng vốn trong năm (*)	432.574.390.000	(432.574.390.000)	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(167.138.836.328)	-	-	(167.138.836.328)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	111.513.288.749	111.513.288.749
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(237.616.987)	(237.616.987)
Khác	-	(25.000.000)	-	-	-	(25.000.000)
Số cuối năm	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	119.124.835.761	3.031.165.741.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 11 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất phát hành 43.257.439 cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02-12/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2019.

Việc phát hành cổ phiếu thưởng đã được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Quyết định số 7871/UBCK-QLCB ngày 31 tháng 12 năm 2019 và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 21 vào ngày 20 tháng 3 năm 2020.

18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.731.011.410.000	1.361.016.300.000
Tăng trong năm	<u>432.574.390.000</u>	<u>369.995.110.000</u>
Số cuối năm	<u>2.163.585.800.000</u>	<u>1.731.011.410.000</u>

18.3 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số cổ phần</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	216.358.580	173.101.141
Cổ phiếu đã phát hành		
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	216.358.580	173.101.141
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	(7.463.830)	(69.000)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	208.894.750	173.032.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi thanh lý đầu tư vào công ty liên kết, chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	170.190.322.858	28.106.396.038
Lãi tiền gửi	56.514.007.976	31.574.138.143
Thu nhập từ cổ tức	50.654.382.500	74.687.616.000
Lãi cho vay	32.133.913.880	25.855.660.274
Khác	698.668	35.113.460
TỔNG CỘNG	<u>309.493.325.882</u>	<u>160.258.923.915</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	151.094.526.849	117.981.757.915
Chi phí khác	962.730.153	164.567.171
TỔNG CỘNG	<u>152.057.257.002</u>	<u>118.146.325.086</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.704.484.071	20.940.938.476
Chi phí lương	10.293.684.752	8.967.406.737
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 11</i>)	1.576.650.446	1.436.849.007
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(764.298.068)	9.114.673.978
Khác	999.882.006	519.851.236
TỔNG CỘNG	<u>35.810.403.207</u>	<u>40.979.719.434</u>

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.704.484.071	20.940.938.476
Chi phí lương	10.293.684.752	8.967.406.737
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 11</i>)	1.576.650.446	1.436.849.007
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(764.298.068)	9.114.673.978
Khác	999.882.006	519.851.236
TỔNG CỘNG	<u>35.810.403.207</u>	<u>40.979.719.434</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.334.335.651	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	7.780.858.153	(3.274.005.819)
TỔNG CỘNG	10.115.193.804	(3.274.005.819)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	121.628.482.553	1.478.333.940
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	24.325.696.511	295.666.788
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	1.350.385.732	8.323.090.626
Chi phí không được khấu trừ	250.268.122	346.418.242
Điều chỉnh chi phí đã trích những năm trước	-	2.698.341.725
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(10.130.876.500)	(14.937.523.200)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP (*)	(2.406.487.448)	-
Thuế TNDN được giảm (**)	(2.031.781.328)	-
Thuế hoãn lại phải trả chưa được ghi nhận do lỗ thuế	(1.242.011.285)	-
Chi phí thuế TNDN	10.115.193.804	(3.274.005.819)

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 20/2017/ NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ áp dụng từ năm tính thuế 2019, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 2.406.487.448 VND.

(**) Theo hướng dẫn của Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 do Chính phủ ban hành về giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 200 tỷ đồng áp dụng cho năm tính thuế 2020. Theo đó, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN của năm hiện hành với tổng giá trị là 2.031.781.328 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	-	7.780.858.153	(7.780.858.153)	7.780.858.153
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi	-	-	-	(4.506.852.334)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		7.780.858.153		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(7.780.858.153)	3.274.005.819

23.4 Lỗi thuế

Công ty được phép chuyển khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản lỗi lũy kế (ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản lỗi lũy kế là 45.114.347.189 VND). Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế (*)	Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không được chuyển lỗi	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗi vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
2017	2022	6.210.056.425	6.210.056.425	-	-
2019	2024	38.904.290.764	38.904.290.764	-	-
TỔNG CỘNG		45.114.347.189	45.114.347.189	-	-

(*) Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Theo hướng dẫn của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 20/2017/ NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ áp dụng từ năm tính thuế 2019, Công ty đã ghi nhận tăng lỗi thuế năm 2018 với tổng giá trị là 6.210.056.425 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phiếu Cho vay Lãi cho vay	738.764.736.000 307.000.000.000 462.602.740	- - -
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Mua hàng hóa Doanh thu từ chuyển nhượng quyền mua	70.000.000.000 31.543.416.438 - -	191.840.000.000 24.862.509.589 77.229.037 35.113.460
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức	33.097.652.500	13.239.061.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Góp vốn Mua hàng hóa	30.000.000.000 18.876.713 - -	450.000.000.000 993.150.685 199.980.000.000 175.237.098
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội	Bên liên quan	Lãi chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	23.328.212.917	28.106.396.038
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con	Cổ tức	17.556.730.000	61.448.555.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi tiền gửi có kỳ hạn Phí dịch vụ	6.406.764.863 1.344.649.898	29.642.129.581 912.443.036
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Mua hàng Phí dịch vụ	2.045.368.508 165.194.174	- -
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	1.176.285.000	1.855.956.024
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	21.000.000	5.088.220

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần PAN-Hulic	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	16.000.000	40.020.000
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hoá	4.000.403	42.820.950
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	825.000	16.228.400
Công ty Cổ phần Cà Phê Golden Beans	Công ty con	Góp vốn	-	60.200.000.000
Công ty TNHH Shin Cà Phê	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	-	54.002.000
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Cổ đồng	Doanh thu từ chuyển nhượng trái phiếu	-	44.931.600

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Tạm ứng	-	349.250.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Lãi dự thu	58.280.473.971	26.737.057.534
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con	Lãi dự thu	462.602.740	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi dự thu	253.394.602	61.862.222
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con	Cổ tức	-	26.335.095.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	Lãi dự thu	-	198.205.479
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
			59.075.671.313	53.411.420.235

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay	510.840.000.000	520.840.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con	Cho vay	307.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	Cho vay	-	53.000.000.000
			817.840.000.000	573.840.000.000

Chi tiết khoản cho vay như sau:

Hợp đồng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN				
PAN-PANFood/102018/HĐ (*)	200.000.000.000	Ngày 10 tháng 9 năm 2023	8,65	Tin chấp
12/2020/HĐTD/TPG-PF	67.000.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2021	5,50	Tin chấp
08/2020/PG-PF	3.000.000.000	Ngày 13 tháng 2 năm 2021	6,00	Tin chấp
09/2019/HĐTD/PAN-PF	150.840.000.000	Ngày 10 tháng 9 năm 2021	5,00	Tin chấp
08/2017/HĐTD/PAN-PF	20.000.000.000	Ngày 29 tháng 7 năm 2021	5,00	Tin chấp
12/2016/HĐTD/PAN-PF	70.000.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	5,00	Tin chấp
Công ty Cổ phần PAN Farm				
12/2020/HĐTD/PAN-PF	307.000.000.000	Ngày 22 tháng 12 năm 2021	5,50	Tin chấp

(*) Đây là khoản cho vay ngắn hạn vì Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN có toàn quyền quyết định hoàn trả toàn bộ tiền gốc khoản vay tại bất kỳ thời điểm nào.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	207.900.000	-
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Mua hàng hóa	58.816.100	-
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con	Mua hàng hóa	-	9.544.500
Công ty TNHH Shin Cà Phê	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	-	6.070.000
			266.716.100	15.614.500
Phải trả ngắn hạn khác				
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	450.000.000	450.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập và Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.170.000.000	1.790.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Manabu Ueda	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020)	90.000.000	-
Ông Miyabe Toshiaki	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020)	90.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG		<u>4.490.000.000</u>	<u>3.110.000.000</u>

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>2.261.066.941</u>	<u>3.299.958.660</u>

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Vay, trái phiếu	810.000.000.000	1.117.001.100.632	1.927.001.100.632
Phải trả người bán ngắn hạn	886.887.290	-	886.887.290
Chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác	24.062.702.556	-	24.062.702.556
	834.949.589.846	1.117.001.100.632	1.951.950.690.478
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Vay, trái phiếu	630.000.000.000	1.111.303.447.452	1.741.303.447.452
Phải trả người bán ngắn hạn	827.651.932	-	827.651.932
Chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác	24.480.497.576	-	24.480.497.576
	655.308.149.508	1.111.303.447.452	1.766.611.596.960

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.547.445.824	(23.547.445.824)	24.311.743.892	(24.311.743.892)	-
- Phải thu từ bên khác	23.547.445.824	(23.547.445.824)	24.311.743.892	(24.311.743.892)	-
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	921.194.718.000	-	573.840.000.000	-	921.194.718.000
Phải thu khác	62.220.841.258	-	56.138.167.575	-	62.220.841.258
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.110.055.445.013	-	992.635.832.802	-	1.110.055.445.013
TỔNG CỘNG	2.117.018.450.095	(23.547.445.824)	1.646.925.744.269	(24.311.743.892)	2.093.471.004.271
					1.622.614.000.377
					VND
	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
Nợ phải trả tài chính					
Vay	1.927.001.100.632	1.741.303.447.452	1.927.001.100.632	1.741.303.447.452	
Phải trả người bán ngắn hạn	886.887.290	827.651.932	886.887.290	827.651.932	
Chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác	24.062.702.556	24.480.497.576	24.062.702.556	24.480.497.576	
TỔNG CỘNG	1.951.950.690.478	1.766.611.596.960	1.951.950.690.478	1.766.611.596.960	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu ngắn hạn được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Trần Thị Trang
Người lập biểu

Nguyễn Anh Tuấn
Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021